

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 383/2022/HC-PT
Ngày 31/8/2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 189/2022/TLPT-HC ngày 23/5/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 283/2021/HC-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7299/2022/QĐ-PT ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu S, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số 79A phố Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Văn bản ủy quyền số 75/GUQ-UBND ngày 10/8/2022) vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch UBND huyện M, thành phố Hà Nội vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. UBND huyện M, thành phố Hà Nội vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Xuân C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Quang N1, chị Nguyễn Thị H.

Cùng địa chỉ: Khu S, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; trong đơn, bà A, anh N1 và chị H ủy quyền cho ông Nguyễn Quang N toàn quyền tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Người khởi kiện ông Nguyễn Quang N trình bày: Ông là chủ sử dụng 52,6m² đất tại thửa số 36 tờ bản đồ số 3 thôn S, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Quang B (bố đẻ ông) có từ trước năm 1980 diện tích khoảng 88m² (đã trừ diện tích hành lang lưu không Quốc lộ 6). Bố ông đã để lại cho ông một phần diện tích đất là 30m². Ngày 10/01/1993, ông Vũ Văn S (cháu cụ B) và ông Nguyễn Quang P1 (con cụ B) cùng nhau thống nhất để ông Vũ Văn S làm đơn xin UBND xã P cấp đất dịch vụ trả tiền một lần; diện tích đất đề nghị là 58m², ông S và ông P1 mỗi người 29m².

Ngày 15/01/1993, Trưởng ban ruộng đất và Chủ tịch xã P đồng ý cho ông S mua diện tích đất trên, nộp tiền một lần vào ngân sách nhà nước dùng để đầu tư công trình phúc lợi. Sau khi nhận đất, ông S đã bán 29m² diện tích đất của mình cho anh Dương Đức T; còn ông P1 tặng cho ông phần đất của mình. Sau khi nhận được đất, ông đã gộp thửa đất 29m² này với một phần đất bố ông để lại, tổng diện tích là 52,6m². Tháng 5/1993, ông đã xây dựng nhà cửa và tường bao xung quanh thửa đất này để xác định mốc giới đất. Kể từ đó, gia đình ông sinh sống, ổn định trên đất, không phát sinh bất kì tranh chấp nào và thực hiện nghĩa vụ tài chính nộp thuế đầy đủ.

Ngày 25/10/2018, UBND huyện M ban hành các Quyết định số 6892/QĐ-UBND với nội dung thu hồi 52,6m² đất của gia đình ông và cùng ngày ban hành Quyết định số 6903/QĐ-UBND về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông để thực hiện dự án cải tạo nâng cấp mở rộng và chỉnh trang Quốc lộ 6 (đoạn qua Km19+920 đến km 22+220) qua địa phận thị trấn C. Quyết định số 6903 nêu rõ tổng số tiền ông được nhận là 272.800.998 đồng và ông không đủ điều kiện được xem xét mua đất tái định cư.

Không đồng ý với quyết định của UBND huyện M, ông đã gửi đơn khiếu nại đề nghị được bồi thường theo quy định của pháp luật; cụ thể, bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất, được cấp đất tái định cư và hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho gia đình khi bị thu hồi đất.

Ngày 06/3/2019, Chủ tịch UBND huyện M ra Quyết định số 1245/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu; ngày 21/8/2019, Chủ tịch UBND thành phố

H ra Quyết định số 4467/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Theo ông Nguyễn Quang N, việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND thành phố H đều không chính xác do xác định sai nguồn gốc sử dụng đất của gia đình ông. Vì theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 25/10/2018 ban hành kèm theo Quyết định số 6903 thì “Diện tích thu hồi là 52,6m² là đất hành lang giao thông đường quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý”, đồng thời xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất là 0 đồng. Việc xác định nguồn gốc diện tích đất là vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, cụ thể: Diện tích đất bị thu hồi thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông, không phải là đất hành lang giao thông đường quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý mà được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho gia đình ông sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật từ trước ngày 15/01/1993. Do vậy, gia đình ông đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, được bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và bồi thường, hỗ trợ công trình, tài sản trên đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố H. Ông N đề nghị hủy các Quyết định hành chính:

- Quyết định số 6892/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện M về việc thu hồi đất;

- Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện M về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Yêu cầu UBND huyện M xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 52,6m² do hộ gia đình ông đang sử dụng.

* Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện M trình bày:

Căn cứ UBND huyện M ban hành Quyết định thu hồi đất số 6892/QĐ-UBND và Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Quang N để thực hiện Dự án xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang 2,3m đường Quốc lộ 6 (đoạn km19 +920 đến km22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện M được thực hiện theo Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 24/10/2011 về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ; Quyết định số 5757/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 về ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về việc thu hồi đất và Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố H và Thông báo

số 166/TB-UBND ngày 02/11/2011 của UBND huyện M về Dự án xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chỉnh trang 2,3m đường Quốc lộ 6 (đoạn km19+920 đến km22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện M.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang N: Vị trí diện tích đất hộ ông Nguyễn Quang N bị thu hồi thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 03 tại thôn S, thị trấn C, huyện M, thành phố Hà Nội.

Theo xác nhận nguồn gốc đất đai của UBND thị trấn C thì ngày 10/01/1993, ông Vũ Văn S và ông Nguyễn Quang P1 cùng thống nhất để ông S viết đơn đề nghị mua chung miếng đất mà gia đình ông P1 đang canh tác thuộc đất công UBND xã P quản lý tại khu Đ. Căn cứ biên bản trích đo của UBND xã P, diện tích mỗi hộ được mua là 29,0m², tổng hai hộ là 58,0m² có xác nhận của UBND xã P ngày 15/01/1993 đồng ý cho ông S được mua số diện tích đất theo trích lục với thời hạn lâu dài và nộp tiền một lần vào ngân sách để xã dùng đầu tư cho công trình phúc lợi. Việc nộp tiền ngân sách xã một lần của ông S không có phiếu thu, không có biên bản thống nhất chia tách thửa đất giữa ông S và ông P1. Ông P1 khẳng định đã giao quyền sử dụng đất cho ông N, ông P1 không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về việc giao quyền sử dụng đất trên (Biên bản làm việc ngày 15/3/2018). Diện tích đất thu hồi 52,6m² là đất hành lang giao thông đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý.

Về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Diện tích đất thu hồi 52,6m² là do UBND xã P bán trái thẩm quyền thuộc hành lang lưu không đường quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý, vi phạm pháp luật đất đai và nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng nên không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Căn cứ điều 75, khoản 4 điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì không được bồi thường về đất.

Về tài sản trên đất: Tài sản xây dựng năm 2001 trên đất hành lang giao thông, không có văn bản ngăn chặn của cấp có thẩm quyền, được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường theo khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND năm 2017 của UBND thành phố H.

Về tái định cư: Hộ gia đình ông N đã có nơi ở khác trên địa bàn thị trấn C nên không được bố trí đất tái định cư theo quy định tại điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND năm 2017 của UBND thành phố H.

Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang N là 272.800.998 đồng. Ngày 12/02/2019, hộ gia đình ông N đã nhận tiền.

UBND huyện M khẳng định các Quyết định số 6892/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 6903/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 25/10/2018 được ban thành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

Ngày 06/3/2019, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 1245/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Quang N là đúng theo quy định của Luật khiếu nại ngày 11/11/2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật khiếu nại; quyền lợi hợp pháp

của hộ ông Nguyễn Quang N đã đảm bảo theo đúng chính sách quy định của nhà nước.

Chủ tịch và UBND huyện M giữ nguyên Quyết định số 6892/QĐ-UBND, Quyết định số 6903/QĐ-UBND cùng ngày 25/10/2018 và Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 06/3/2019. Việc ông Nguyễn Quang N khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định trên là không có cơ sở.

* Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H giữ nguyên quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 21/8/2019.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn C trình bày:

Về nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất bị thu hồi của hộ ông Nguyễn Quang N: Ngày 10/01/1993, ông Vũ Văn S và ông Nguyễn Quang P1 cùng thống nhất để ông S viết đơn đề nghị mua chung miếng đất mà gia đình ông P1 đang canh tác thuộc đất công UBND xã P quản lý tại khu Đ.

Căn cứ biên bản trích đo của UBND xã P, diện tích mỗi hộ được mua là 29,0m², tổng hai hộ là 58,0m² có xác nhận của UBND xã P ngày 15/01/1993 đồng ý cho ông S được mua số diện tích đất theo trích lục với thời hạn lâu dài và nộp tiền một lần vào ngân sách để xã dùng đầu tư cho công trình phúc lợi. Việc nộp tiền ngân sách xã một lần của ông S không có phiếu thu, không có biên bản thống nhất chia tách thửa đất giữa ông S và ông P1. Ông P1 khẳng định đã giao quyền sử dụng đất cho ông N, ông P1 không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về việc giao quyền sử dụng đất trên (Biên bản làm việc ngày 15/3/2018).

UBND thị trấn C đề nghị giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M và Chủ tịch UBND thành phố H.

* Bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Quang N1, chị Nguyễn Thị H thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Quang N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 283/2021/HC-ST ngày 21/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 88 và khoản 1, 2 Điều 89 Luật Đất đai năm 2013; Điều 31, Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H; Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị định 70-HĐBT ngày 30/4/1987 của Hội đồng bộ trưởng; Quyết định số 06-CT ngày 03/01/1990 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng; Quyết định 237-QĐ/UB ngày 15/5/1993 của UBND tỉnh T; Văn bản số 8533/UBND-TNMT ngày 04/11/2014 của UBND thành phố H; tuyên xử, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang N đối với các Quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 6892/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện M về việc thu hồi đất;

- Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện M về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang N “Yêu cầu UBND huyện M xác định lại giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi diện tích 52,6m² do hộ gia đình ông đang sử dụng”.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/12/2021, ông Nguyễn Quang N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ Quyết định số 6892/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 6903/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cùng ngày 25/10/2018 của UBND huyện M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quang N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm với nội dung xác định các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Quang N vì ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Quang N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 204, 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên Tòa phúc thẩm, Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch UBND huyện M, UBND huyện M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Quang N1 và chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho ông Nguyễn Quang N tham gia phiên tòa. Về việc vắng mặt của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Quang N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy Người bị kiện vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn xin vắng mặt và ủy quyền cho Người khởi kiện tham gia phiên tòa. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên là phù hợp với quy định của Luật Tố tụng hành chính như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về đối tượng khởi kiện, ngày 21/02/2020, ông Nguyễn Quang N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị hủy toàn bộ Quyết định số 6892/QĐ-UBND về thu hồi đất, Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang N để thực hiện GPMB dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang 2,3km đường quốc lộ 6 (đoạn km19 +920 đến km22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện M của UBND huyện M, Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai. Như vậy, theo quy định tại Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, hướng dẫn tại Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 và Điều 1 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là đối tượng khởi kiện.

[4] Về thời hiệu khởi kiện, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Quang N bảo đảm yêu cầu về thời hiệu phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại, các quyết định bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, phù hợp với quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; các điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 40, 41 Luật Khiếu nại năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về chủ trương thu hồi đất, về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính của UBND huyện M, quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện M, Chủ tịch UBND thành phố H.

[6] Về phương án bồi thường về đất, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất bị thu hồi được xác định: Ngày 10/01/1993, ông Vũ Văn S và ông Nguyễn Quang P1 cùng thống nhất để ông Sùng viết đơn đề nghị được mua chung miếng đất mà gia đình ông P1 đang canh tác thuộc đất công UBND xã P quản lý; diện tích mỗi hộ được cấp là 29,0m², tổng hai hộ là 58,0m² có xác nhận của UBND xã P ngày 15/01/1993; thời hạn lâu dài và nộp tiền một lần vào ngân sách để xã dùng đầu tư cho công trình phúc lợi. Hồ sơ không có phiếu thu nộp ngân sách xã, không có biên bản thống nhất chia tách thửa đất giữa ông S và ông P1. Tại Biên bản làm việc ngày 15/3/2018, Ông P1 khẳng định đã giao quyền sử dụng đất cho ông N, ông

P1 không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về việc giao quyền sử dụng đất trên.

[7] Theo bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M thẩm định ngày 24/12/2012 thì diện tích đất thu hồi 52,6m² do gia đình ông N sử dụng là đất hành lang lưu không đường Quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý. Việc UBND xã P bán trái thẩm quyền diện tích đất thuộc hành lang lưu không đường quốc lộ 6 do Nhà nước quản lý cho ông S, ông P1 là vi phạm pháp luật về đất đai và người mua không đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất. Căn cứ Điều 75, Điều 82 Luật đất đai 2013, UBND huyện M xác định hộ gia đình ông Nguyễn Quang N không được bồi thường về đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi, theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H thì đối với nhà, công trình xây dựng từ 15/10/1993 đến trước 01/7/2004 mà vi phạm quy hoạch nhưng không có văn bản xử lý, ngăn chặn thì được bồi thường 50% mức quy định. Nhà và công trình trên đất do ông Nguyễn Quang N sử dụng trước khi bị thu hồi được xây dựng năm 2001, UBND huyện M đã áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 14 nêu trên để giải quyết bồi thường cho ông Nguyễn Quang N là phù hợp. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Quang N là 272.800.998 đồng. Ngày 12/02/2019, hộ gia đình ông N đã nhận tiền.

[9] Về yêu cầu hỗ trợ tái định cư, Hộ gia đình ông N đã có nơi ở khác trên địa bàn thị trấn C nên không được bố trí đất tái định cư theo quy định tại Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 6892/QĐ-UBND về thu hồi đất, Quyết định số 6903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quang N để thực hiện GPMB dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng và chỉnh trang 2,3km đường quốc lộ 6 (đoạn km19 +920 đến km22+220) qua địa phận thị trấn C, huyện M của UBND huyện M được ban hành đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định này.

[11] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại, Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện M về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 4467/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai được ban hành phù hợp với quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; do đó, cũng không có căn cứ để hủy các quyết định giải quyết khiếu nại như yêu cầu của người khởi kiện.

[12] Về án phí, ông Nguyễn Quang N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Quang N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 283/2021/HC-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Quang N được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thành Quang